

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2005/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2005/NĐ-CP ngày 08/4/2005 của Chính phủ về việc giảm thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng để thực hiện thỏa thuận giữa Việt Nam và Thái Lan liên quan đến việc Việt Nam hoãn thực hiện Hiệp định CEPT của các nước ASEAN đối với một số mặt hàng phụ tùng, linh kiện xe máy và xe ô tô tải nhẹ nguyên chiếc

Thực hiện Nghị định thư về việc tham gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào Hiệp định về Chương trình Ưu đãi Thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thực hiện Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) (sau đây được gọi là Hiệp định CEPT/AFTA), ký tại Băng Cốc ngày 15/12/1995;

Thực hiện Nghị định thư về việc thực hiện Danh mục loại trừ tạm thời theo Chương trình CEPT của các nước thành viên ASEAN, ký tại Sin-ga-po ngày 23/11/2000;

Thi hành Nghị định số 48/2005/NĐ-CP ngày 08/4/2005 của Chính phủ về việc giảm thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng để thực hiện thỏa thuận giữa Việt Nam và Thái Lan liên quan đến việc Việt Nam hoãn thực hiện Hiệp định CEPT của các nước ASEAN đối với một

số mặt hàng phụ tùng, linh kiện xe máy và xe ô tô tải nhẹ nguyên chiếc;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

Hàng hóa nhập khẩu để được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CEPT (sau đây gọi tắt là mức thuế suất CEPT), quy định tại Điều 1 của Nghị định số 48/2005/NĐ-CP ngày 08/4/2005 của Chính phủ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Nằm trong Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 48/2005/NĐ-CP ngày 08/4/2005 của Chính phủ.

2. Được nhập khẩu và vận chuyển thẳng từ Vương quốc Thái Lan vào Việt Nam theo nguyên tắc vận tải trực tiếp quy định tại Quyết định số 1420/2004/QĐ-BTM ngày 04/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

3. Thỏa mãn yêu cầu xuất xứ ASEAN, được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D (viết tắt là C/O mẫu D) do Bộ Thương mại của Vương quốc Thái Lan hoặc cơ quan được ủy quyền của Vương quốc Thái Lan cấp, quy định tại Phần III của Thông tư này.

4. Thuộc các tờ khai hải quan hàng nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 01 tháng 04 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007.

II. THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ÁP DỤNG

1. Mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu thuộc diện hưởng thuế suất CEPT theo quy định tại Phần I của Thông tư này là thuế suất CEPT cho từng năm, tương ứng với cột thuế suất CEPT của năm đó, được quy định tại Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 48/2005/NĐ-CP ngày 08/04/2005 của Chính phủ.

2. Mức thuế suất CEPT theo quy định

tại Phần I của Thông tư này được áp dụng cho các mặt hàng nhập khẩu từ Vương Quốc Thái Lan.

Hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên ASEAN khác (gồm Bru-nây Đa-ru-sa-lam; Vương quốc Cam-pu-chia; Cộng hòa In-đô-nê-xi-a; Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; Ma-lay-xi-a; Liên bang My-an-ma; Cộng hòa Phi-lip-pin; và Cộng hòa Sin-ga-po) có trong Danh mục hàng hóa ban hành kèm theo Nghị định số 48/2005/NĐ-CP ngày 08/4/2005 của Chính phủ tiếp tục được áp dụng các mức thuế suất đã ban hành kèm theo các Nghị định số 78/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003, Nghị định số 151/2004/NĐ-CP ngày 05/8/2004 và Nghị định số 13/2005/NĐ-CP ngày 03/02/2005 của Chính phủ nếu đủ điều kiện áp dụng mức thuế suất CEPT.

III. GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ VÀ KIỂM TRA GIẤY CHỨNG NHẬP XUẤT XỨ

1. C/O mẫu D phải có chữ ký và con dấu phù hợp với mẫu chữ ký và con dấu chính thức do Bộ Thương mại của Vương quốc Thái Lan hoặc cơ quan được ủy quyền của Vương quốc Thái Lan cấp.

2. Các quy tắc để hàng hóa được công nhận là có xuất xứ ASEAN được quy định tại Quy chế cấp giấy chứng nhận

xuất xứ hàng hóa ASEAN của Việt Nam - Mẫu D ban hành kèm theo Quyết định số 1420/2004/QĐ-BTM ngày 04/10/2004 và Quyết định số 151/2005/QĐ-BTM ngày 27/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

3. Trong trường hợp có sự nghi ngờ về tính trung thực và chính xác của C/O mẫu D thì Cơ quan Hải quan có quyền:

- Yêu cầu kiểm tra lại C/O mẫu D. Cơ quan Hải quan sẽ gửi yêu cầu tới Bộ Thương mại của Vương quốc Thái Lan hoặc cơ quan được ủy quyền cấp C/O mẫu D để đề nghị xác nhận.

- Đình chỉ việc áp dụng mức thuế suất CEPT và tạm thu theo mức thuế suất của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thông thường hiện hành.

- Yêu cầu người nhập khẩu cung cấp thêm tài liệu (nếu có) để chứng minh hàng hóa thực sự có xuất xứ ASEAN trong thời hạn chậm nhất không quá 01 (một) năm.

- Trong thời gian chờ kết quả kiểm tra lại, vẫn tiếp tục thực hiện các thủ tục để giải phóng hàng theo các quy định nhập khẩu thông thường.

- Khi có đủ tài liệu chứng minh đúng là hàng có xuất xứ ASEAN do Bộ Thương mại của Vương quốc Thái Lan hoặc cơ quan được ủy quyền cấp, Cơ quan Hải quan có trách nhiệm tiến hành

các thủ tục thoái trả lại cho người nhập khẩu khoản chênh lệch giữa số tiền thuế tạm thu theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thông thường hiện hành và số tiền thuế tính theo mức thuế suất CEPT quy định tại Nghị định số 48/2005/NĐ-CP ngày 08/4/2005 của Chính phủ.

Quy trình và thủ tục kiểm tra lại được thực hiện theo quy định tại Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN của Việt Nam - Mẫu D ban hành kèm theo Quyết định số 1420/2004/QĐ-BTM ngày 04/10/2004 và Quyết định số 151/2005/QĐ-BTM ngày 27/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

IV. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Hàng hóa thuộc các tờ khai hải quan hàng nhập khẩu đã đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 01 tháng 4 năm 2005 đến khi Thông tư này có hiệu lực thi hành, đã tính thuế nhập khẩu theo mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi hoặc thông thường, được nộp bổ sung C/O mẫu D để hoàn thuế nhập khẩu, nếu đáp ứng được các điều kiện khác nêu trong Phần I của Thông tư này.

Các quy định về căn cứ tính thuế, chế độ thu nộp thuế, chế độ miễn, giảm thuế, chế độ hoàn thuế, truy thu thuế, xử lý vi phạm và các quy định khác

thực hiện theo các quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính có hướng dẫn bổ sung cho phù hợp./.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Thứ trưởng

Lê Thị Băng Tâm